

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **321/2019/DS-ST**  
Ngày: 29-10-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông Nguyễn Ngọc L

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Kim Tuyền
2. Bà Trần Thị Bích Liên

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hoài, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 659/2019/TB-TA ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty cổ phần K Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Lô THQT Khu đô thị mới C2 – Gamuda Gardens, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tan Teck Y – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ủy quyền cho:

1/ Bà Phạm Minh H, sinh năm 1984 – Chức vụ: Giám đốc khu vực miền Nam

2/ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1992 – Chức vụ: Nhân viên pháp chế

(Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019)

(Bà H và bà T có mặt)

**Bị đơn:**

1/ Ông Nguyễn Dương L, sinh năm 1955

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: X, Căn số 2, Tầng 22, chung cư Phú Hoàng Anh 1, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2017; Các bản tự khai, Biên bản tiếp cận công khai giao nộp chứng cứ, các biên bản hòa giải, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Minh Hồng trình bày:***

Công ty cổ phần K Việt Nam có nhiều điểm kinh doanh, trong đó có Trường quốc tế Singapore, học xá Nam Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Trường).

Ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T có hai người con là Nguyễn Dương Khôi và Nguyễn Dương Quỳnh Châu.

Ngày 26/10/2015, ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T xin cho hai người con nhập học tại Trường quốc tế Singapore, học xá Nam Sài Gòn theo hồ sơ xin nhập học được ký kết giữa một bên là ông Nguyễn Dương Long, bà Nguyễn Thị T và một bên là Trường quốc tế Singapore, học xá Nam Sài Gòn.

Theo quy định thì học phí phải nộp theo điều khoản đăng ký học sau ngày đầu tiên của năm học, phần các điều khoản và quy định trong Hồ sơ xin nhập của hai trẻ là: *“Đối với học sinh đăng ký học trong học phần thứ 2, học phí cho năm học đầu tiên cần đóng sẽ là 85% tính trên tổng phí của cả năm học (Học phần 2 là 35%, học phần 3 là 25% và học phần 4 là 25%)”* và *“đối với học sinh đăng ký học vào một thời điểm bất kỳ trong năm học, phụ huynh cần thanh toán toàn bộ học phí của học phần đó theo biểu phí đề cập phía trên”*.

Do điều kiện khách quan nên ông L và bà T đã không nhập học cho hai cháu theo thỏa thuận nên ông L và bà T đã đề nghị Trường tính toán lại học phí. Trường đã đồng ý tính toán lại học phí cho trẻ Khôi và trẻ Châu như sau: *Học phí học phần 2 là 35% học phí cả năm nhưng chỉ tính cho thời gian thực học trong học phần 2 và học phí học phần 3 là 35% học phí cả năm, học phí học phần 4 là 25% học phí cả năm.*

Ngày 04/01/2016, ông L và bà T đã thanh toán tiền học phí và các chi phí khác của học phần 2 cho các trẻ theo mức học phí đã được Trường xét giảm như nêu trên và đồng ý nhập học cho hai trẻ từ ngày 04/01/2016.

Ngày 13/01/2016 Trường gửi bảng thông báo học phí học phần 3 và 4 cho ông L và bà T nhưng ông L và bà T không đồng ý cách tính học phí của học phần 3 là 35% học phí năm như nêu trên. Sau đó, ngày 19/01/2016, Trường gửi thư điện tử giải thích về cách tính học phí như đã từng trao đổi và thống nhất với phụ huynh tại thời điểm nhập học.

Ngày 25/01/2016, ông L và bà T yêu cầu nếu không có cách tính nào khác thì sẽ cho hai trẻ nghỉ học sau khi học hết học phần 2 là ngày 04/02/2016.

Tuy nhiên, ngày 30/01/2016 ông L và bà T gửi thư cho Hiệu trưởng Trường và Ban giám đốc Công ty yêu cầu xem xét việc tính học phí học phần 3. Ngày 03/02/2016, Hiệu trưởng Trường đã xác nhận là nhà trường đã xem xét đây là trường hợp nhập học đặc biệt và mức học phí mà Trường đang áp dụng đã giảm so với học phí theo quy định là khoảng 30 triệu đồng mỗi học sinh như đã giải thích tại thời điểm nhập học và không có cách xem xét tính học phí nào khác.

Đồng ý với phản hồi của nhà trường, ngày 11/02/2016, ông L và bà T gửi thư điện tử yêu cầu cho các trẻ đi học lại từ ngày 15/02/2016 và yêu cầu được gặp thầy Hiệu trưởng. Ngày 18/02/2016, ông L và bà T đã được Trường giải thích cách thu học phí ưu đãi áp dụng riêng cho trường hợp của hai trẻ và chỉ rõ rằng số tiền của

học phần 2 và học phần 3 thấp hơn gần 30 triệu mỗi học sinh so với cách tính học phí theo quy định mà ông L và bà T đã ký trong Hồ sơ nhập học, ông L và bà T đồng ý và vẫn tiếp tục để các trẻ theo học tại trường.

Tuy nhiên, ngày 23/3/2016 ông L và bà T gửi thư điện tử thông báo ngày 31/3/2016 sẽ cho trẻ nghỉ học và yêu cầu Trường tính học phí đến hết ngày 31/3/2016. Đây là sự thỏa thuận cuối cùng của các bên.

Ngày 26/3/2016, Trường đã gửi Bảng thông báo học phí của hai trẻ tính đến ngày 31/3/2016 cho ông L và bà Tuyết. Đúng ra theo quy định của Trường khi nhập học thì ông L và bà T phải thanh toán toàn bộ học phí của học phần 3 đối với hai trẻ Khôi và Châu. Tuy nhiên, Trường đã một lần nữa xem xét và chỉ yêu cầu tính học phí học phần 3 cho hai trẻ Khôi và Châu dựa trên số ngày thực tế học thay vì tính cả học phần.

Như vậy tổng số tiền học phí cùng các phí dịch vụ của hai cháu mà ông L và bà T còn phải trả cho Trường là **160.725.910** đồng, thời hạn thanh toán là ngày 31/3/2016. Nếu thanh toán chậm thì bị phạt 5% trên tổng số tiền chậm thanh toán.

Nhà trường đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu ông L và bà T trả số tiền nêu trên nhưng ông L và bà T vẫn không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền **160.725.910** đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/4/2016 (ngày đến hạn) cho đến ngày 29/10/2019 (ngày tòa án xét xử) là **77.570.342** đồng. Tổng cộng là **238.296.252** đồng và không yêu cầu tính tiền phạt. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án để ông L và bà T là bị đơn đến Tòa án để làm việc, giải quyết vụ án và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L và bà T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **{1} Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Ngày 22/02/2017, Công ty cổ phần Kinderworld Việt Nam khởi kiện ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T với địa chỉ của bị đơn là Khu B, Căn số 2, Tầng 22, chung cư Phú Hoàng Anh 1, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã ban hành thông báo thụ lý và tổng đạt cho bị đơn là ông L và bà T nhưng thư trả về vì không có người nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp:

1/ Địa chỉ nơi làm việc của ông L là Văn phòng luật - C/O Số 12 Đường Lê Quý Đôn, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Địa chỉ nơi làm việc của bà T là Công ty TNHH Pan Asia Pacific - Số 12 Đường Lê Quý Đôn, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và 376 Đường Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Nguyễn Dương L có quốc tịch M ỹ và có thể đã xuất cảnh đi nước ngoài.

Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã thu thập tài liệu, chứng cứ và kết quả là:

1/ Ngày 20/6/2017 Công an Phường 6, Quận 3 xác nhận: “*Tại địa chỉ số 12 Lê Quý Đôn, Phường 6, Quận 3 không có 02 người tên là Nguyễn Dương Long, sinh năm 1955 và ngày Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1975 đăng ký thường trú hay tạm trú*”.

2/ Ngày 14/11/2017 Công an Phường 6, Quận 3 xác nhận: “*Trên địa bàn Phường 6, Quận 3 không có địa chỉ số 376 Võ Văn Tần*”.

3/ Ngày 14/11/2017 Công an Phường 5, Quận 3 xác nhận: “*Số nhà 376 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3 không có ai tên Nguyễn Thị T đang đăng ký thường trú và tạm trú*”.

4/ Tại Văn bản số 447/QLXNC-D91 ngày 19/01/2018, Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “*Không thể hiện việc ông Nguyễn Dương L đã có xuất cảnh từ sau ngày 25/11/2017 cho đến nay*”.

Theo Kết quả xác minh ngày 26/5/2017 của Công an xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Ông Nguyễn Dương Long, sinh năm 1955 không đăng ký thường trú, tạm trú và thực tế không cư trú tại địa chỉ Khu B, Căn số 2, Tầng 22, chung cư Phú Hoàng Anh 1, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1975 **có đăng ký tạm trú** tại địa chỉ Khu B, Căn số 2, Tầng 22, chung cư Phú Hoàng Anh 1, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng tại thời điểm xác minh đương sự T không có mặt tại địa chỉ trên.

Hội đồng xét xử xét:

Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

2. Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “*nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở*” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Địa chỉ “*nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng*” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từng cư trú, làm việc hoặc có trụ sở mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh.

Như vậy, nguyên đơn khởi kiện ông L và bà T căn cứ theo địa chỉ cư trú của bị đơn là Khu B, Căn số 2, Tầng 22, chung cư Phú Hoàng Anh 1, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án làm bản tự khai và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ nhưng ông L và bà T vẫn không đến Tòa án để làm việc hoặc cung cấp chứng cứ. Vì vậy, ông L và bà T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ và Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà T theo quy định tại Điều 91 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **{2} Về yêu cầu tranh chấp của đương sự:**

Xét Hồ sơ nhập học cho trẻ Nguyễn Dương Khôi và trẻ Nguyễn Dương Quỳnh Châu cùng ngày 26/10/2015 có ký tên của ông Nguyễn Dương L có đủ cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Dương Long, bà Nguyễn Thị T và Công ty cổ phần Kinderworld Việt Nam đã phát sinh giao dịch dân sự là hợp đồng cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với tiền học phí và phí dịch vụ cho nguyên đơn kể từ ngày 01/4/2016 với số tiền là **160.725.910** đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Dương Long, bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền **160.725.910** đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả: Trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận tiền lãi phạt khi chậm trả là 5% trên số tiền chậm trả. Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu không tính tiền lãi phạt đối với bị đơn mà yêu cầu Tòa án tính tiền lãi suất trả chậm kể từ ngày 02/4/2016 theo quy định của pháp luật là **77.570.342** đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phương thức trả nợ: Do bà T và ông L vi phạm nghĩa vụ kéo dài từ ngày 02/4/2016 đến nay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T và ông L phải trả làm một lần toàn bộ số tiền là 160.725.910 đồng + 77.570.342 đồng = **238.296.252** đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**{3} Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 thì bị đơn phải chịu tiền án phí là 11.914.813 đồng trên số tiền phải trả là **238.296.252** đồng.

Công ty cổ phần Kinderworld Việt Nam không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1/ Buộc ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Công ty cổ phần Kinderworld Việt Nam số tiền là **238.296.252** đồng. Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty cổ phần Kinderworld Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T chậm thi hành khoản nợ nêu trên thì ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2/ Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm là 11.914.813 đồng ông Nguyễn Dương L và bà Nguyễn Thị T phải nộp.

- Trả lại cho Công ty cổ phần Kinderworld Việt Nam toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.426.568 đồng theo Biên lai thu số 0007613 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3/ Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Long**

